

Luyện tập

1-5 Chọn đáp án đúng trong hai đáp án cho sẵn.

1. (A. Feeding / B. Fed) the ducks at the pond in the park, I came across an old friend.
2. (A. Having / B. Being) surrounded by tall trees, the newly built house has an excellent view.
3. When (A. using / B. used) the outdoor pool at the hotel, children must be accompanied by an adult.
4. The house looks quite neat, (A. considering / B. considered) that it was so messy after the party.
5. Badly (A. frightening / B. frightened), the boy ran all the way home.

6-8 Chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống trong các câu sau.

6. _____ the problem with the air conditioner, the electrician went to get his tool kit.
(A) Understand (B) Understands (C) Understanding (D) Understood
7. _____ about the local water shortage, most residents have agreed to try to reduce their daily usage.
(A) Warn (B) Warns (C) Warned (D) Warning
8. When _____ surfaces in the bathroom or kitchen, try to avoid using harmful chemical liquids.
(A) clean (B) cleaning (C) cleaned (D) cleans

Unit 14

9-10 Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng.

When 9. (A. holding / B. held) the annual residents' meeting, the apartment manager announced some changes. Firstly, he has brought in more waste containers for garbage.

10. (A. Having provided / B. Provided) additional trash cans, he has also arranged for waste removal trucks to come to the apartment complex more frequently.

Đáp án: trang 321



● Chọn đáp án đúng dựa vào cụm từ tiếng Việt.

01 Sinh hoạt ①

- (① lock ② unlock) the door khóa cửa
 a useful (① wool ② tool) một dụng cụ hữu ích
 (① repair ② recycle) a machine sửa chữa một chiếc máy
 (① publish ② polish) the windows lau bóng cửa sổ
 (① accessories ② necessities) of living nhu yếu phẩm
 a medical (① kit ② bit) hộp đựng dụng cụ y tế
 a (① knit ② neat) room một căn phòng ngăn nắp
 (① subscribe ② describe) to a newspaper đặt mua báo dài hạn

Đáp án ① ② ② ② ② ① ② ① ② ①

Từ vựng cần chú ý

subscribe to

Trong bài thi TOEIC, khi nói về việc đăng ký các dịch vụ (như xem truyền hình cáp, đặt mua báo, tạp chí), người ta thường dùng động từ **subscribe** và theo sau **subscribe** luôn là giới từ **to**. Lưu ý là các danh từ phái sinh của động từ này cũng được dùng với giới từ **to** (**subscription to** và **subscriber to**).



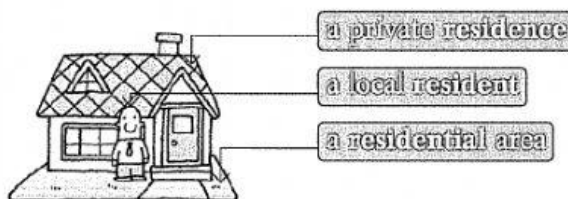
02 Sinh hoạt ②

- (① healing ② heating) equipment thiết bị sưởi
 a low (① ceremony ② ceiling) trần nhà thấp
 an (① underground ② overcrowded) passage một đường hầm
 an (① exterior ② interior) decorator người trang trí nội thất
 (① residential ② confidential) purposes các mục đích cư trú
 (① surround ② survey) the building bao quanh tòa nhà
 a (① metropolitan ② managerial) area khu vực đô thị
 a useful electronic (① advice ② device) một thiết bị điện tử hữu ích
 a kitchen (① appliance ② application) một đồ dùng nhà bếp

Đáp án ② ② ② ② ① ① ② ② ② ② ② ①

Từ vựng cần chú ý

Những từ phái sinh của động từ **reside**



03 Sinh hoạt ③

(① join ② host) a party tổ chức một bữa tiệc
 (① fax ② fix) a date ấn định ngày tháng
 attend a (① funeral ② fundraiser) dự một đám tang
 perfect (① preference ② preparation) chuẩn bị đầy đủ
 at (① midnight ② overnight) vào lúc nửa đêm
 (① feed ② follow) a dog cho chó ăn
 (① stretch ② scratch) arms duỗi cánh tay
 (① assistant ② instant) foods thức ăn nhanh
 (① dive ② dine) at a top restaurant dùng bữa tại một nhà hàng sang trọng bậc nhất

Đáp án ② ② ① ① ① ② ② ① ② ②

Từ vựng cần chú ý **fix**

Fix là động từ có nhiều nghĩa:
 fix a car sửa một chiếc ô tô
 fix a date / time ấn định ngày tháng / giờ
 fix shelves to the wall đóng kệ vào tường



04 Sinh hoạt ④

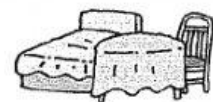
change the (① furnishings ② foundations) thay đổi đồ đạc (trong nhà)
 (① swing ② sweep) the floor quét nhà
 take out the (① garbage ② garage) mang rác ra ngoài
 an (① indoor ② outdoor) swimming pool một bể bơi ngoài trời
 (① tie ② lie) the ropes buộc dây thừng
 (① transfer ② treat) him kindly đối xử tử tế với anh ấy
 the (① disposal ② approval) of liquid waste xử lý nước thải
 a (① landscape ② landlord) of a building chủ tòa nhà
 (① split ② spread) the wood chẻ củi
 a phone (① inventory ② directory) danh bạ điện thoại

Đáp án ① ② ① ② ② ① ② ② ① ②

Unit 14

Từ vựng cần chú ý **furniture và furnishings**

Cả hai danh từ này đều có nghĩa là đồ đạc (trong nhà).
 Nhưng furniture là danh từ không đếm được, chỉ những vật dụng có kích thước lớn như bàn, ghế, tủ, giường, còn furnishings (luôn được dùng ở dạng số nhiều) có nội hàm rộng hơn, bao gồm cả màn, thảm...



Actual Test

Part V Choose the one word that best completes the sentence.

1. Having _____ his yacht up at Diamond Harbor, Mr. Swindell returned to his residence in the countryside.
(A) tie
(B) ties
(C) tied
(D) tying
2. Mr. Brook is considering hiring an _____ designer to help him furnish his new home.
(A) interior
(B) instructor
(C) invoice
(D) interest
3. Hackwell Once-Off Miracle removes stains _____ from all carpets, rugs, sofas and other fabrics.
(A) highly
(B) recently
(C) probably
(D) instantly
4. Generally _____, the previous tenants treated the apartment well and did not cause any major damage.
(A) speak
(B) speaking
(C) spoke
(D) spoken
5. Most kitchens are now _____ with a garbage disposal unit to deal with all food waste.
(A) varied
(B) equipped
(C) forced
(D) settled
6. _____ next to the park, the house is the best place for outdoor activities.
(A) Locate
(B) Locating
(C) Located
(D) Location
7. When _____ address, please make sure your new contact details are recorded in the local telephone directory.
(A) change
(B) changing
(C) changed
(D) changes
8. Ms. Plunkett called the local electrician in order to ask him to _____ the faulty wiring in her bedroom.
(A) repair
(B) satisfy
(C) direct
(D) involve

Part VI Questions 9-11 refer to the following notice.

Citizens of Dresden County:

Since the rate of theft and other petty crimes is _____ rapidly, we recommend

- 9. (A) dropping
- (B) removing
- (C) searching
- (D) increasing

that you take safety precautions to protect your property. We strongly suggest that you lock your garages and put away any tools that are lying around outside. Another _____ you can take is to install a security system at your house. We would also

- 10. (A) measure
- (B) model
- (C) attention
- (D) registration

appreciate it if you could help us keep the surrounding area as safe as possible. If you notice anything suspicious while _____ around the neighborhood, please call

- 11. (A) walk
- (B) walks
- (C) walked
- (D) walking

the police. Together, we can make this community a safer, friendlier, and happier place.

The Dresden Community Watch Group

Unit 14